

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24-01-2022
V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Ông Lương Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2022/TLST–HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 về việc: “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST–HNGĐ ngày 10/01/2022, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim S, sinh năm 1990; đăng ký thường trú: Số X, khu X2, tổ X3, phường PC, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương - có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1989; đăng ký thường trú: Khu phố Y, phường TĐ, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương – có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 11 năm 2021 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị Kim S trình bày:

- Về hôn nhân: Bà S và ông T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 6 năm 2007, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi cưới, bà S về sống cùng với ông T và ba mẹ chồng ở

phường TĐ, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì không sống chung nữa. Nguyên nhân là do ông T đi làm xa, ít về nhà nên tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt dần. Bà S và ông T đã không chung sống với nhau 14 năm nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà S yêu cầu Tòa án không công nhận bà S và ông T là vợ chồng.

- Về con chung: Bà S và ông T có 01 con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 16/3/2008. Hiện tại cháu H đang sống cùng với ông T, cháu đang học lớp 7 Trường THCS BP, cuộc sống ổn định. Bà S đồng ý giao con chung Nguyễn Gia H cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà S không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà S và ông T khai không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản tự khai ngày 07/01/2022 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông T thống nhất với lời trình bày của bà S về việc ông và bà S chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Từ cuối năm 2008, ông T và bà S không còn chung sống với nhau nữa. Nay bà S yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai bên thì ông T đồng ý.

- Về con chung: Ông T và bà S có 01 con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 16/3/2008. Con chung hiện đang sống cùng với ông T, cuộc sống ổn định. Ông T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên toà:

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định; đương sự và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng và nuôi con với bị đơn nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là: “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Thanh T cư trú tại khu phố Y, phường TĐ, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về hôn nhân:

Bà S và ông T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, bà S và ông T có 01 con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 16/3/2008.

Bà S và ông T sống hạnh phúc đến cuối năm 2008 thì không sống chung nữa. Bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông T. Tại Bản tự khai ngày 07/01/2022 và Biên bản hòa giải ngày 07/01/2022, ông T thống nhất với ý kiến của bà S về con chung, tài sản chung, nợ chung và đồng ý chấm dứt quan hệ hôn nhân với bà S.

Xét thấy, bà S và ông T không chung sống với nhau từ cuối năm 2008 cho đến nay và cả hai đều mong muốn chấm dứt quan hệ vợ chồng để trả tự do cho nhau. Điều này cho thấy tình cảm vợ chồng giữa bà S và ông T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc kết hôn của Bà S và ông T không được đăng ký theo quy định nên không có giá trị pháp lý. Nay bà S có yêu cầu ly hôn để chấm dứt mối quan hệ vợ chồng nên áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận bà S và ông T là vợ chồng.

[4.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà S và ông T có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 16/3/2008. Bà S có nguyện vọng giao con chung Nguyễn Gia H cho ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại Bản tự khai ngày 07/01/2022, cháu H trình bày nguyện vọng là muốn được sống cùng với ông T. Tại Biên bản hòa giải ngày 07/01/2022, bà S và ông T thống nhất thỏa thuận về việc nuôi con sau khi chấm dứt quan hệ hôn nhân theo như nguyện vọng của con. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, phù hợp với nguyện vọng của con chung và quy định tại Điều 15; khoản 1, khoản 2, Điều 81 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Bà S có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở bà S thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Trường hợp cần thiết, để đảm bảo lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim S đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh T về việc: “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”.

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị Kim S và ông Nguyễn Thanh T là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 16/3/2008 cho ông Nguyễn Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bà Lê Thị Kim S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Lê Thị Kim S có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở bà Lê Thị Kim S thực hiện quyền này. Trường hợp cần thiết, để đảm bảo lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Kim S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004614 ngày 28/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA, VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Nga

Nguyễn Thị Thắm Lương Thanh Nhàn Nguyễn Thị Thanh Nga

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Kim Lý Nguyễn Thị Thắm

Nguyễn Thị Thanh Nga